

Bản án số: 26/2024/HS-PT  
Ngày: 15 – 01 – 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Minh Nhựt

Ông Nguyễn Công Sự

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 496/2023/TLPT-HS ngày 10/11/2023 đối với bị cáo **Bùi Quang D** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 483/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Quang D**, sinh năm: 1988 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: **Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Thợ điện; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Họ tên cha: **Bùi Đăng T**, sinh năm 1955 (đã chết); Họ tên mẹ: **Doãn Thị D1**, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Họ tên vợ: **Nguyễn Thị Bé M**, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 08/05/2023. Bị cáo được huỷ bỏ tạm giữ theo Quyết định huỷ bỏ tạm giữ số 8013/QĐ-VKS ngày 16/05/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

*Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:* Bà **Nguyễn Ngọc A** – Luật sư thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Đ** (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:



**Đinh Quốc Q** và **Đặng Trần Minh D2** là bạn bè quen biết với nhau. Để có tiền tiêu xài, **Q** và **D2** đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, **Bùi Quang D** có hành vi nhiều lần tiêu thụ tài sản do **Q** và **D2** trộm cắp mà có, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 23 giờ ngày 06/04/2023, **Đinh Quốc Q** mang theo tua vít, kìm kim loại cầm tay, cây lục giác và một số dụng cụ đi bộ một mình đến **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S** (công ty **S**) trụ sở **tổ D, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nơi, **Q** nhặt 01 (một) đoạn ống nước bằng nhựa dài khoảng 10m gần đó, dùng đoạn ống nước làm dây treo vào tường phía sau công ty, leo lên mái tôn rồi **Q** dùng cây lục giác mở ốc của 04 (bốn) tấm pin năng lượng mặt trời, dùng kìm cắt dây điện giữa các tấm pin. Sau đó, **Q** dùng dây ống nước buộc 01 (một) tấm pin vào 01 (một) đầu đoạn ống nước để thả các tấm pin xuống đất. Sau khi lấy trộm được 04 (bốn) tấm pin. Khoảng 02 giờ sáng ngày 07/04/2023, **Q** đến nhà của anh **Nguyễn Văn T1** ngụ tại **tổ I, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** mượn 01 (một) xe mô tô lôi để chở 02 (hai) tấm pin đến nhà **D** tại **xã B, huyện T** bán, còn 02 (hai) tấm pin **Q** để lại do nặng không mang theo được. Đến 08 giờ 30 phút ngày 07/04/2023, **Q** đến nhà **Bùi Quang D** bán 02 (hai) tấm pin trên với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). **Q** trả xe cho anh **T1** khoảng 05 giờ sáng. Số tiền trên **Q** đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 04 (bốn) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M kích thước 1,1m x 2,1m màu đen thuộc sở hữu của **công ty S**. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã thu hồi trả lại cho anh **Nguyễn Đăng C** là đại diện theo pháp luật của công ty.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 234/K1-HĐ ĐGTS ngày 12/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: “04 (bốn) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M có tổng giá trị định giá tài sản là 12.857.600 đồng (mười hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)”.

Trách nhiệm dân sự: Anh **Nguyễn Đăng C** là đại diện theo pháp luật của **công ty S P** đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo **Q** bồi thường theo quy định pháp luật.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08/04/2023, **Đinh Quốc Q** tiếp tục đi bộ một mình đến **công ty S P** với thủ đoạn trên **Q** tiếp tục lấy trộm được 03 (ba) tấm pin năng lượng mặt trời của công ty. Khoảng 02 giờ 30 phút sáng ngày 09/04/2023, **Q** đến nhà của anh **Nguyễn Văn T1** **Q** tiếp tục mượn 01 (một) xe mô tô lôi của anh **T1** để chở 05 (năm) tấm pin (gồm 03 (ba) tấm vừa trộm được và 02 (hai) tấm trộm ngày 06/04/2023) đến nhà **Bùi Quang D** để bán. Khi bán **Q** nói cho **D** biết đây là tài sản **Q** trộm cắp của công ty nên không sợ bị phát hiện. **D** biết rõ 05 (năm) tấm pin năng lượng mặt trời là do **Q** trộm cắp nhưng vì ham rẻ vẫn đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). **Q** trả xe cho anh **T1** khoảng 05 giờ sáng. Số tiền này **Q** đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 03 (ba) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M kích thước 1,1m x 2,1m màu đen thuộc sở hữu của **công ty S**. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã thu hồi trả lại cho anh **Nguyễn Đăng C** là đại diện theo pháp luật của công ty.



Tại Bản kết luận định giá tài sản số 234/K1-HĐ ĐGTS ngày 12/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “03 (ba) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M có tổng giá trị định giá tài sản là 9.643.200 đồng (*chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng*)”.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đăng C là đại diện theo pháp luật của công ty S P đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo Q bồi thường theo quy định pháp luật.

**Vụ thứ ba:** Vào khoảng 23 giờ ngày 10/4/2023, Đinh Quốc Q rủ Đặng Trần Minh D2 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì D2 đồng ý. Sau đó, Q và D2 đi bộ đến phía sau công ty S P rồi Q trèo qua tường lấy trộm tài sản còn D2 canh giới và giúp Q đỡ các tấm pin năng lượng mặt trời xuống. Sau khi Q trèo qua tường, leo lên mái tôn, dùng lục giác mở ốc các tấm pin, Q dùng dây ống nước buộc vào 01 (một) đầu tấm pin, thả xuống phía dưới cho D2 đỡ. Với thủ đoạn trên Q và D2 đã lấy tổng cộng được 08 (tám) tấm pin năng lượng mặt trời. Khoảng 02 giờ 30 phút sáng ngày 11/04/2023 Q tiếp tục đến nhà anh T1 để mượn xe mô tô lòi mượn của anh T1, Q dùng xe của anh T1 08 chở (tám) tấm pin năng lượng mặt trời đến nhà Bùi Quang D để bán, còn D2 ở lại công ty S để đợi. D biết rõ 08 (tám) tấm pin năng lượng mặt trời Q mang đến bán là tài sản Q trộm cắp được mà có nhưng D vẫn đồng ý mua 07 (bảy) tấm pin với giá 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*), còn 01 (một) tấm pin Q cho D, tuy nhiên D chưa trả tiền cho Q.

Vật chứng thu giữ gồm: 08 (tám) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M kích thước 1,1m x 2,1m màu đen thuộc sở hữu của công ty S. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh Nguyễn Đăng C là đại diện theo pháp luật của công ty.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 234/K1-HĐ ĐGTS ngày 12-5-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “08 (tám) tấm pin năng lượng mặt trời Trina Solar TSM-490DE18M có tổng giá trị định giá tài sản là 25.715.200 đồng (*hai mươi lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng*)”.

**Vụ thứ tư:** Sau khi bán 08 (tám) tấm pin, Q hỏi D có mua máy biến tần không thì D trả lời có mua nên Đinh Quốc Q rủ Đặng Trần Minh D2 quay lại công ty S P trộm máy biến tần thì D2 đồng ý. Thực hiện ý định trên, trong đêm ngày 11/04/2023, Q và D2 leo lên tường rào, leo lên mái tôn của công ty, Q dùng tua vít mở ốc của máy biến tần còn D2 dùng tay giữ máy biến tần. Sau khi tháo được máy biến tần thì Q và D2 gắn vào đầu dây ống nước thả xuống đất, rồi Q và D2 lấy các đoạn dây điện nối các tấm pin quần lại với nhau thành 01 (một) cuộn thả xuống đất. Sau đó, Q và D2 bỏ máy biến tần và các đoạn dây điện lên xe mô tô lòi mượn của anh T1 để mang đến nhà D bán. Tại đây, D biết rõ đây là tài do Q và D2 trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua máy biến tần với giá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), các đoạn dây điện với giá 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng D đưa trước cho Q 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), đến sáng hôm sau D tiếp tục trả cho Q 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Q trả xe cho anh T1 khoảng 06 giờ sáng ngày 11/04/2023. Số tiền trên, Q đã xài hết, chưa chia cho D2.



Sự việc xảy ra, anh Nguyễn Đăng C là người đại diện của Công ty S P đến Công an phường P trình báo. Công an phường P hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) bộ biến tần Inverter SAJ Suntrio Plus 60K, màu sơn xám; 01 (một) đoạn dây cáp điện màu đỏ dài khoảng 7,5m; 01 (một) đoạn dây cáp điện màu đỏ dài khoảng 3,0m; 01 (một) đoạn dây cáp điện màu đen dài khoảng 7,0m; 01 (một) đoạn dây cáp điện màu đen dài khoảng 4,0m thuộc sở hữu của công ty S. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh Nguyễn Đăng C là đại diện theo pháp luật của công ty.

- 01 (một) tua vít dài 25cm chuôi bọc nhựa màu xanh vàng, nhãn hiệu KingBlue; 01 (một) tua vít dài 25cm chuôi bọc nhựa màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) tua vít dài 15cm chuôi bọc nhựa màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) lưỡi cưa dài 30cm bằng kim loại chuôi quấn dây dù màu xanh; 01 (một) lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm chuôi bằng gỗ; 01 (một) mỏ lết bằng kim loại dài 30cm, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) kìm bằng kim loại chuôi bọc nhựa màu đen; 01 (một) tuýp lục giác bằng kim loại hình chữ L là công cụ Q và D2 dùng để phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 234/Kl-HĐ ĐGTS ngày 12-5-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) bộ biến tần Inverter SAJ Suntrio Plus 60K, 21,5 (hai mươi một phẩy năm) mét dây cáp điện có tổng giá trị định giá tài sản là 46.518.400 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng)".

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô lô thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T1 cho Q mượn để sử dụng, không biết Q dùng làm phương tiện chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đăng C là đại diện theo pháp luật của công ty S P đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo Q, D2 bồi thường theo quy định pháp luật.

**Vụ thứ năm:** Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/05/2023, Đặng Trần Minh D2 sau khi sử dụng ma túy do sợ bị Công an kiểm tra nên đã chạy về hướng phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trốn, khi đến nhà số A, tổ D, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Đậu Thị G làm chủ thì D2 chạy vào lối bên hông nhà, khi đi đến cuối nhà, D2 dùng 01 (một) thang gỗ gần đó leo lên tầng 1 của nhà số A, tổ D, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của chị Trần Thị Lan A1 làm chủ, D2 đi vào bên trong nhà, khi đi ngang phòng ngủ tại tầng 1 thì D2 phát hiện cửa không khoá, trên bàn gỗ cạnh cửa ra vào có 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng có gắn 01 (một) sim điện thoại di động số 0329998147 của chị Lan A1 nên D2 đi vào bên trong phòng, lấy trộm chiếc điện thoại di động trên bỏ vào túi quần rồi D2 đi theo lối cũ trốn thoát. Sau khi lấy trộm được tài sản D2 tháo sim số 0329998147 gắn vào điện thoại nhãn hiệu Samsung J17 Pro của D2 sử dụng và đi bộ vào khu vực vườn tràm thuộc đất vành đai vòng ngoài của đơn vị K860– Bộ Q1 thuộc khu phố H, phường L, thành phố B,



tỉnh Đồng Nai để giấu chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Khi đi ra thì D2 bị lực lượng tuần tra của đơn vị K860 – Bộ Q1 phát hiện giữ lại giao cho Công an phường L. Tại đây, D2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an phường L lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu trắng, loại 64GB và 01 (một) sim điện thoại số 0329998147 thuộc sở hữu của chị Trần Thị Lan A1. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị Lan A1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J17 Pro màu vàng của Đặng Trần Minh D2 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho D2.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 222/KL-HĐĐGTS ngày 09-5-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 (một) điện thoại di động Iphone 11, loại 64GB và 01 (một) sim điện thoại có tổng giá trị định giá tài sản là 8.299.200 đồng (tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).”

Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Lan A1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo D2 bồi thường theo quy định pháp luật.

**\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 483/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai quyết định:**

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Quốc Q, Đặng Trần Minh D2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Bùi Quang D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Bùi Quang D 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2023 đến ngày 16/05/2023.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 20/9/2023 bị cáo Bùi Quang D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố là Bùi Đăng T là người có công với cách mạng, đã tham gia kháng chiến; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật; bị cáo có mẹ già và hai con nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này bị cáo không có phạm tội lần nào khác, từ trước đến giờ bị cáo ở địa phương luôn



chấp hành nghiêm chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước; bị cáo không biết đó là đồ trộm cắp.

**\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:**

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo **Bùi Quang D** phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Bùi Quang D** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Quang D** 02 (hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2023 đến ngày 16/05/2023 là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa tranh luận: Bản án của cấp sơ thẩm là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo có bố là **Bùi Đăng T** là người có công với Cách mạng, đã tham gia kháng chiến; bị cáo có mẹ già bị bệnh cao huyết áp và đau khớp gối, có hai con nhỏ, có vợ nhưng vợ đã bỏ đi, là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Bùi Quang D** làm trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Bùi Quang D** thừa nhận hành vi phạm tội như mô tả tại bản án sơ thẩm; bị cáo xác định không bị oan sai, đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm bị cáo không bị ép cung hoặc dùng nhục hình, lời khai của bị cáo hoàn toàn chính xác và tự nguyện. Do đó, bản án sơ thẩm là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bị cáo **D** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, trình bày bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật; ngoài lần phạm tội này bị cáo không phạm tội lần nào khác, từ trước đến giờ bị cáo ở địa phương luôn chấp hành nghiêm chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, tuy nhiên các tình tiết giảm nhẹ này đã được cấp sơ thẩm xem xét.



Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ thể hiện có bố là **Bùi Đăng T** là người có công với Cách mạng, đã tham gia kháng chiến; bị cáo trình bày có mẹ già bị bệnh cao huyết áp và đau khớp gối (chỉ cung cấp sổ khám bệnh photocopy) và hai con nhỏ, bị cáo có vợ nhưng vợ đã bỏ đi, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo trình bày không biết đó là đồ trộm cắp là không phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, lời khai khác có tại hồ sơ. Cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **D**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo **D** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Đối với các nội dung khác trong Bản án hình sự sơ thẩm số 483/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Người bào chữa trình bày các tình tiết giảm nhẹ phù hợp với nhận định của HĐXX và xin giảm nhẹ cho bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Bùi Quang D** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 483/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Bùi Quang D** 02 (hai) năm tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2023 đến ngày 16/05/2023.

3. Về án phí HSPT: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **D** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 483/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



**Nơi nhận:**

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Thanh Bình**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **26/TBKQXXPT**

*Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2024*

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
- Căn cứ bản án hình sự phúc thẩm số: 26/2024/HS-PT ngày 15/01/2024.

Thông báo đến:



**Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai**

Về việc bị cáo:

**Bùi Quang D**, sinh năm: 1988 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: **Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Thợ điện; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Họ tên cha: **Bùi Đăng T**, sinh năm 1955 (đã chết); Họ tên mẹ: **Doãn Thị D1**, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Họ tên vợ: **Nguyễn Thị Bé M**, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 08/05/2023. Bị cáo được huỷ bỏ tạm giữ theo Quyết định huỷ bỏ tạm giữ số 8013/QĐ-VKS ngày 16/05/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 02 (hai) năm tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/05/2023 đến ngày 16/05/2023.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thông báo để quý Ủy ban được rõ.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu hs;

**THẨM PHÁN**

**Thái Thị Thanh Bình**